

Theravāda
Abhidhammapīṭaka - tạng Diệu Pháp

Chú Giải
Thuyết Luận Sự
(Kathāvattuppakarana-Atthakathā)

Nguyên tác: Kathāvattuppakarana Atthakathā
Biên dịch Anh ngữ: Bimala Churn Law, PhD., M.A, BL.

Biên dịch Việt ngữ: Tỳ Kheo Thiện Minh

Xin lưu ý: Cần có font Unicode Việt-Phạn [VU Times](#) cài vào máy để đọc các chữ Pāli.

Mục Lục

[00] Lời tựa
Lời Giới Thiệu

[01] CHƯƠNG I - Nhân ngữ (puggalakathā)

- I. Điểm tranh luận: Bản ngã
- II. Điểm tranh luận: Hoại lìa (Parihāni)
- III. Điểm tranh luận: Phạm hạnh (brahmacariya) (tức là cuộc sống thánh đức)
- IV. Điểm tranh luận: Thanh tịnh dần dần (tiệm tiến)(odniso)
- V. Điểm tranh luận: Diệt Tà (điều ác) (Jahati: thanh lọc ô nhiễm).
- VI. Điểm tranh luận: "Vạn vật tồn tại" (sabbamatthIti).
- VII. Điểm tranh luận: "Quá khứ uẩn" (AtItakhandhā)
- VIII. Điểm tranh luận: "Một số điểm (quá khứ và tương lai của chúng ta) vẫn đang tồn tại." (Ekacca mathIti)
- IX. Điểm tranh luận: "Niệm xứ" (sati patthāna)
- X. Điểm tranh luận: "Các phương thức bất biến tồn tại ra sao." (Hevatthiti)

[02] CHƯƠNG II

- I. Điểm tranh luận: "Ô nhiễm của vị A-la-hán (parūpahāra)".
- II. Ba điểm tranh luận: (1) Liệu vô minh có khả năng xảy nơi một vị A-la-hán hay không (2) Liệu vị A-la-hán có gặp rắc rối hay không. và (3) Ngài có khả năng trôi vượt hơn người khác hay không.
- III. Điểm tranh luận: "Phát âm khi nhập thiền" (vacī) (của người nhập Thiền Jhāna).
- IV. Điểm tranh luận: "Nhập Thiền quán do (thốt lên) từ "Phiên Não".
- V. Điểm tranh luận: "Tâm Đình Trụ" (Cittatthiti).
- VI. Điểm tranh luận: "Cõi đời giới này (giống như) một đồng tro tàn." (kukkula)
- VII. Điểm tranh luận: "Thành tích dần được thể hiện"
- VIII. Điểm tranh luận: "Ngôn ngữ của Đức Phật" (Vehāra).
- IX. Điểm tranh luận: "Diệt Đế hay chấm dứt" (Nirodha).

CHƯƠNG III

- I. Điểm tranh luận: "Lực hay Sức Mạnh" (Bala).
- II. Điểm tranh luận: Phẩm chất (gọi là) thánh đức. (Ariyati)
- III. Điểm tranh luận: "Giải Thoát" (vimuccati)

- IV. Điểm tranh luận: "Tiến trình giải thoát" (*vimuccamana*).
- V. Điểm tranh luận: "Người thứ tám (*atthamaka*)"
- VI. Điểm tranh luận: "Quyền (*Indriya*) của người thứ tám".
- VII. Điểm tranh luận: "Thiên nhãn" (*dibbacakkhu*).
- VIII. Điểm tranh luận: "Thiên Nhĩ" (*dibbasota*).
- IX. Điểm tranh luận: "Trí thấy hạnh nghiệp chúng sanh (*Yathā kamūpagatañāna*)."
- X. Điểm tranh luận: "Những Thu Thúc Đạo Đức (*saṅvara*)."
- XI. Điểm tranh luận: "Cuộc Sống Vô Tướng (*asañña*)."
- XII. Điểm tranh luận: "Phi tướng phi phi tướng hữu (*nevasaññānāsaññāyatana*)".

CHƯƠNG IV

- I. Điểm tranh luận: "Liệu một cư sĩ có trở thành A-la-hán được không?" (*gahisa arahāti*)
- II. Điểm tranh luận: "Một người có thể thành A-la-hán khi vừa tục sinh".
- III. Điểm tranh luận: "Không vương phải nguyên nhân ô nhiễm (*anāsava*)."
- IV. Điểm tranh luận: "Giữ lại Thánh quả" (*samannā gata*).
- V. Điểm tranh luận: "Một vị A-la-hán được phú cho Lục Xả Vô Ký"
- VI. Điểm tranh luận: "Nhờ hành vi Giác Ngộ, Ta trở thành ‘Đấng Giác Ngộ’."
- VII. Điểm tranh luận: Quan điểm của phái Uttarapathakas
- VIII. Điểm tranh luận: Bắt đầu được Bảo đảm. (*Nyam'okkhanti*)
- IX. Điểm tranh luận: Tài năng thiên phú
- X. Điểm tranh luận: Việc trừ khử tất cả gông cùm (*Saṃyojana*).

[03]

CHƯƠNG V

- I. Điểm tranh luận: Giải Thoát (*vimutta*).
- II. Điểm tranh luận: Tuệ của Bậc Vô học (*asekha*).
- III. Điểm tranh luận: (nhận thức) sai lạc hay ảo giác (khi nhập thiền *Jhāna*).
- IV. Điểm tranh luận: Thánh Đạo Nhất Định (*niyāma*).
- V. Điểm tranh luận: Tuệ Phân tích (*Pati Sambhidā*).
- VI. Điểm tranh luận: Phạm tuệ hay tục trí (*sammantiñāna*).
- VII. Điểm tranh luận: Đối tượng tâm linh (*cittāramaṇa*).
- VIII. Điểm tranh luận: Thiền Quán Tương Lai.
- IX. Điểm tranh luận: Trí hiện tại.
- X. Điểm tranh luận: Tuệ Quả (*phalañāna*).

CHƯƠNG VI

- I. Điểm tranh luận: Định luật chắc chắn (*niyāma*).
- II. Điểm tranh luận: Luật duyên khởi (*Patīccasamuppāda*).
- III. Điểm tranh luận: Tứ diệu đế (*Sacca*).
- IV. Điểm tranh luận: Bốn Cõi Vô Sắc Giới (*arūpa*)
- V. Điểm tranh luận: Thành tích Nhập Định Diệt (*Nirodha samāpatti*).
- VI. Điểm tranh luận: Không gian (*ākāsu*).
- VII. Điểm tranh luận: Khoảng không có thể thấy (*ākāsanidassana*).
- VIII. Điểm tranh luận: "Phải chăng nguyên tố đất là hữu hình?"

CHƯƠNG VII

- I. Điểm tranh luận: Phân loại các vật thể.
- II. Điểm tranh luận: Các trạng thái tương ứng (*samyutta*).
- III. Điểm tranh luận: Những đặc tính tâm linh (*cetasika*).
- IV. Điểm tranh luận: Bó Thí (*Dana*)
- V. Điểm tranh luận: Công đức hệ tại tính hưởng dụng (*Paribhogamayapuñña*).
- VI. Điểm tranh luận: Quả do bó thí đem lại ngay trên cõi đời này.
- VII. Điểm tranh luận: Trái đất này và kết quả của nghiệp đem lại (*Pathavī kammavipāka*).
- VIII. Điểm tranh luận: Lão, tử và thành quả của nghiệp (*Jāramaraṇavipāka*).
- IX. Điểm tranh luận: Các hiện trạng trí tuệ thánh đức và những Thánh quả từ đó mà ra (quả của

Thánh nghiệp).

X. Điểm tranh luận: Những Pháp quả tạo ra Pháp quả (*vipākovipāka dhammadhamnioti*).

[04]

CHƯƠNG VIII

I. Điểm tranh luận: Các cảnh giới tái sanh (*gati*) (đa dạng).

II. Điểm tranh luận: Hiện trạng tái sinh trung gian (Thân trung âm) (*antorābhava*: Trung hữu).

III. Điểm tranh luận: Những khoái cảm thọ quan (*Kāmaguṇā*).

IV. Điểm tranh luận: Các dục vọng giác quan.

V. Điểm tranh luận: Nguyên tố (uẩn) Sắc giới (*Rūpadhātu*).

VI. Điểm tranh luận: Vô Sắc Giới cũng vậy. Ở đây ta nên hiểu ý nghĩa bằng cùng một phương pháp nêu trên.

VII. Điểm tranh luận: Xứ nơi cõi Sắc Giới. (*rūpadhātuyā-āyatana*).

VIII. Điểm tranh luận: Sắc pháp nơi Cõi Vô Sắc Giới. (*arūpe rūpa*)

IX. Điểm tranh luận: Sắc hành động (*rūpaṃ kammanti*).

X. Điểm tranh luận: Mạng quyền (*Jivitindriya*)

XI. Điểm tranh luận: Nghiệp là nhân duyên (*kammahetu*).

CHƯƠNG IX

I. Điểm tranh luận: (Giải thoát nhờ quả phúc) Điều thiện. (*ānisaṃsa*)

II. Điểm tranh luận: Bất Diệt là đối tượng suy tư.

III. Điểm tranh luận: Sắc có thể biết đối tượng là tâm linh (*Rūpaṃ Sārammaṇati*).

IV. Điểm tranh luận: Tùy miên không có cảnh không có đối tượng tâm linh (*anusayā anārammaṇti*).

V. Điểm tranh luận: Trí quán không biết cảnh (*Ñāṇaṃ anārammaṇanti*).

VI. Điểm tranh luận: Những quan điểm cảnh quá khứ. (*atItārammaṇa*)

VII. Điểm tranh luận: Điểm áp dụng tâm linh tiên khởi.

VIII. Điểm tranh luận: Âm thanh như là cách truyền tải các ứng dụng tâm linh tiên khởi và kéo dài.

IX. Điểm tranh luận: Lời nói không phù hợp với tư tưởng (*ṇayathā cittassa vācātika*).

X. Điểm tranh luận: Hành động (hay tác nghiệp) không khớp với tư tưởng.

XI. Điểm tranh luận: Chứng đạt về kinh nghiệm quá khứ và tương lai còn hiện hữu.

CHƯƠNG X

I. Điểm tranh luận: Việc kết thúc (Diệt - *Nirodha*).

II. Điểm tranh luận: Cho rằng sắc pháp (của bất kỳ ai đang tu luyện Thánh đạo) cũng gộp cả trong Thánh Đạo đó.

III. Điểm tranh luận: Đạo Tuệ Tướng của người đang có được Ngũ Thức Căn.

IV. Điểm tranh luận: Hai luật đạo đức.

V. Điểm tranh luận: Nhân đức tự động mà có.

VI. Điểm tranh luận: Nhân đức không được tiến hành theo đúng như tư tưởng.

VII. Điểm tranh luận: Công đức không tiến triển theo đúng việc nắm giữ giới luật.

VIII. Điểm tranh luận: Các hành vi tiên liệu việc công đức.

IX. Điểm tranh luận: Hành vi đạo đức không được tiên liệu là phi đạo đức.

CHƯƠNG XI

I. Điểm tranh luận: Ba sự kiện liên quan đến các khuynh hướng tiềm tàng, có nghĩa là (i) vô nhân (ahetu) (không rõ ràng, mập mờ.) (II) vô ký (*abyākatā*). và (III) không tương ưng tâm.

II. Điểm tranh luận: Tuệ quán (*ñāṇa*).

III. Điểm tranh luận: Tuệ không liên kết với tư tưởng.

IV. Điểm tranh luận: "Đây chính là Khổ Đê!"

V. Điểm tranh luận: Phép Thần Thông (*iddhi*)

VI. Điểm tranh luận: Nhập định (Dục thần túc) (*Samāthi*).

VII. Điểm tranh luận: Định đề nơi vạn vật. Pháp được tiên liệu (*dhamatṭhitatā*).

VIII. Điểm tranh luận: Tính Vô Thường (*aniccatā*).

CHƯƠNG XII

- I. Điểm tranh luận: Tự kiềm chế là một nghiệp (tích cực) (*Samvaro kammanti*).
- II. Điểm tranh luận: Nghiệp.
- III. Điểm tranh luận: Tiếng nói được coi như là dị thực quả (*saddo vipākotī*).
- IV. Điểm tranh luận: Sáu giác quan.
- V. Điểm tranh luận: Bạc Thất Lai.
- VI. Điểm tranh luận: Người chiếm được thứ bậc cao hơn nơi Thánh Đạo bậc một, và điều liên quan đến "người giao hạt" nên được hiểu theo cùng một cách thức như trên.
- VII. Điểm tranh luận: Tội giết người (*Jīvitavoropana*).
- VIII. Điểm tranh luận: Khô cảnh giới (*dugati*).
- IX. Điểm tranh luận: Kẻ nào đã đạt đến tái sinh lần thứ bảy.

CHƯƠNG XIII

- I. Điểm tranh luận: Địa ngục vô gián trọn kiếp (*kappattha*).
- II. Điểm tranh luận: Phần thưởng suốt đời dành cho người đạt được thành tích tốt.
- III. Điểm tranh luận: Kẻ xúi dục phạm nghiệp vô quán (*autarāpayulta*).
- IV. Điểm tranh luận: Những vị Bồ-tát nhất định (*niyatajjaniyāma*).
- V. Điểm tranh luận: Những ai bị chướng ngại (*nivāraṇa*) ngăn cản (*nivutta*).
- VI. Điểm tranh luận: Người "buộc phải giáp mặt" với những công cùm.
- VII. Điểm tranh luận: Người nhập và đạt đến bậc thiền *Jhāna* (*Samāpanna assadesi*).
- VIII. Điểm tranh luận: Lòng tham muốn đối với những điều khó chịu.
- IX. Điểm tranh luận: Pháp ái đối với pháp vô ký.
- X. Điểm tranh luận: Pháp ái (*dhammatanhā*) không phải là nguyên nhân tạo khổ.

CHƯƠNG XIV

- I. Điểm tranh luận: Tính liên tục hỗ tương giữa thiện và bất thiện.
- II. Điểm tranh luận: Lục Xứ.
- III. Điểm tranh luận: Liên tục trực tiếp nơi giác quan.
- IV. Điểm tranh luận: Thân, khẩu của một vị thánh.
- V. Điểm tranh luận: Những khuynh hướng tiềm ẩn tách riêng ra một bên.
- VI. Điểm tranh luận: Những bộc phát tùy miên (*anusya*).
- VII. Điểm tranh luận: Sắc ái "gồm chung lại"
- VIII. Điểm tranh luận: Những gì chưa được khám phá. (*Abyākata*)
- IX. Điểm tranh luận: Không liên quan (đến luân hồi). (*apariyāpanna*)

CHƯƠNG XV

- I. Điểm tranh luận: Mọi tương quan (nhân quả đặc biệt cố định) (*paccaya*)
- II. Điểm tranh luận: Nhân duyên hỗ tương. (*annamannapaccaya*)
- III. Điểm tranh luận: Tương tục (*santati*) thời gian. (*addha*)
- IV. Điểm tranh luận: Những chốc lát, những lúc, những giây lát ngắn ngủi
- V. Điểm tranh luận: Những lậu hoặc (tức là những nguyên nhân đời bại) (*āsava*).
- VI. Điểm tranh luận: Lão và tử. (*Jarāmarana*)
- VII. Điểm tranh luận: Diệt, Tướng, Thọ, Thức (thuộc lãnh vực siêu phàm).
- VIII. Điểm tranh luận thứ nhì về Tướng và nhận thức
- IX. Điểm tranh luận thứ ba về Tướng và nhận thức
- X. Điểm tranh luận: Việc đạt đến vô tướng.
- XI. Điểm tranh luận: Nghiệp và việc tích lũy những nghiệp đó.

CHƯƠNG XVI

- I. Điểm tranh luận: Điều khiển [tâm tha nhân.]
- II. Điểm tranh luận về hỗ trợ tâm tha nhân
- III. Điểm tranh luận: Tạo hạnh phúc nơi tha nhân. (*sukhānuppabāna*)
- IV. Điểm tranh luận: Chăm lo cho chúng sanh cùng một.
- V. Điểm tranh luận: Sắc pháp và nhân thiện (*rūpaṃhetūti*).

- VI. Điểm tranh luận về vật chất đi kèm với những nhân duyên đạo đức
- VII. Điểm tranh luận: Vật chất hiền là điều thiện và điều bất thiện dưới góc độ đạo đức.
- VIII. Điểm tranh luận: Vật chất là (chánh) quả.
- IX. Điểm tranh luận: Vật chất thuộc cõi Sắc Giới [Phạm Thiên (Brahma)] và Cõi Vô Sắc Giới.
- X. Điểm tranh luận: Tham dự suốt đời nơi cõi Sắc Giới và Vô Sắc Giới.

[06]

CHƯƠNG XVII

- I. Điểm tranh luận: Vị A-la-hán đã tích lũy công đức như thế nào (*atthi arahato punnupaccayoti*).
- II. Điểm tranh luận: Vị A-la-hán không phải trải qua cái chết không đúng thời (*Natthi arahato akālamaccūti*).
- III. Điểm tranh luận: Cho toàn bộ là do nghiệp mà ra. (*Sabbamidaṃkammaṭoti*)
- IV. Điểm tranh luận: Tất cả đều qui về khả năng cảm thọ.
- V. Điểm tranh luận: Chỉ được giải thoát nhờ Chánh Đạo
- VI. Điểm tranh luận: Không nên nói: Tăng Bảo nhận của bố thí.
- VII. Điểm tranh luận: Chẳng nên nói: "Tăng Bảo tấp uế của bố thí"
- VIII. Điểm tranh luận: Chẳng nên nói: Tăng Bảo hưởng của bố thí.
- IX. Điểm tranh luận: Không nên nói rằng: Bất kỳ điều gì dâng cho Tăng Bảo cũng đều mang lại phần thưởng to lớn.
- X. Điểm tranh luận: Chẳng nên nói: Bất kỳ điều gì được dâng cho Đức Phật đều mang lại phần thưởng to lớn.
- XI. Điểm tranh luận: Việc tinh luyện của bố thí.

CHƯƠNG XVIII

- I. Điểm tranh luận: Nơi ở của Đức Thế Tôn trên cõi phàm này (*manussaloka*).
- II. Điểm tranh luận: Việc (Đức Phật) thuyết pháp.
- III. Điểm tranh luận: Lòng Đại Bi (Đức Thế Tôn đã cảm thấy) (*Karuṇā*)
- IV. Điểm tranh luận: Những mùi thơm (nơi con người Đức Phật) (*gandhajāti*)
- V. Điểm tranh luận: Chánh Đạo duy nhất và có một không hai (*Ekamagga*).
- VI. Điểm tranh luận: Sự chuyển hóa giữa các bậc thiền *Jhāna*.
- VII. Điểm tranh luận: Kẻ nhập Thiền *Jhāna* vẫn có thể nghe thấy tiếng động.
- VIII. Điểm tranh luận: Chúng ta có thể nhìn thấy đối tượng thị giác bằng mắt trần (khi nhập thiền *Jhāna*)

CHƯƠNG XIX

- I. Điểm tranh luận: Khử trừ ô nhiễm. (*kilesajahana*)
- II. Điểm tranh luận: Trống Rỗng (*Sunnatā*)
- III. Điểm tranh luận: Sa-môn quả (*Sāmannāphala*). (là vô vi).
- IV. Điểm tranh luận: Thành tích đạt được (là vô vi). (*patti*: chứng ngộ)
- V. Điểm tranh luận: Như thị (như như) (*tathāta*)
- VI. Điểm tranh luận: Điều thiện xét dưới góc độ đạo đức. (*kusala*)
- VII. Điểm tranh luận: Thành tích đạt đến Nhất định (*viyama*).
- VIII. Điểm tranh luận: Quyền (*Indriya*)

CHƯƠNG XX

- I. Điểm tranh luận: Tội ác không cố ý. (*Asañcicca*)
- II. Điểm tranh luận: Tuệ giác (*Nāṇa*).
- III. Điểm tranh luận: Những lính canh địa ngục. (*Nirayapāla*)
- IV. Điểm tranh luận: Súc sinh [nơi cõi bên kia] (*Tiracchāna*)
- V. Điểm tranh luận: Chánh Đạo. (Magga)
- VI. Điểm tranh luận: Tuệ giác (*Nāṇa*)

CHƯƠNG XXI

- I. Điểm tranh luận: Giáo Lý [của chúng ta] (*Sāsavā*)
- II. Điểm tranh luận: Kinh nghiệm về những gì tồn tại riêng rẽ. (*Avirittathā*)

- III. Điểm tranh luận: Gông cùm. (*Samyojana*)
- IV. Điểm tranh luận: Phép Thần Thông Biến Hoá. (*Iddhi*)
- V. Điểm tranh luận: Các Phật nhân. (*Buddha*)
- VI. Điểm tranh luận: Đức Phật hiện diện khắp mọi nơi. (*Sabhadisa*)
- VII. Điểm tranh luận: Đạt-ma (*Dhamma*)
- VIII. Điểm tranh luận: Nghiệp (*Kamma*).

CHƯƠNG XXII

- I. Điểm tranh luận: Sự viên tịch (*Parinibbāna*).
- II. Điểm tranh luận: Tâm đạo đức. (*Kusalacitta*)
- III. Điểm tranh luận: Tâm điềm tĩnh. (*Anenja*)
- IV. Điểm tranh luận: Am hiểu Giáo pháp
- V. Một bào thai đạt đến bậc A-la-hán như thế nào
- VI. Điểm tranh luận: Điều vô ký (*abyākata*)
- VII. Điểm tranh luận: Tương quan tái tục.
- VIII. Điểm tranh luận: Tính nhất thời. (Sát-na - *khana*)

CHƯƠNG XXIII

- I. Điểm tranh luận: Quyết tâm tác hợp.
- II. Điểm tranh luận: Những biểu hiện bề ngoài nơi các vị A-la-hán.
- III. Điểm tranh luận: Thành tích đạt được qua tham quyền cố vị.
- IV. Điểm tranh luận: Tình trạng giả vờ trước tính ái và v.v...
- V. Điểm tranh luận: Những gì chưa rõ ràng.

LỜI BẠT

-ooOoo-

LỜI TỰA

Tập Chú Giải Thuyết Luận Sự (*Kathavatthu*) là bản dịch tiếng Anh đầu tiên, do ngài Minayeff (J.P.T.S. 1889) biên tập. Khác với tập Chú Giải Bộ Pháp Tụ (Atthasalini) hay Sammohavinodanti [1] ở chỗ, tập Chú Giải này không đặt tựa đề riêng cho từng Chương như trong bộ Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), có tên là tập Chú Giải Thuyết Luận Sự (Kathavattuppakarana)

Tập Chú Giải Thuyết Luận Sự (Kathavatthu) là một trợ giúp không thể thiếu cho việc nghiên cứu các kinh văn Pāli, có nhiều đoạn không được rõ ràng. Tập Chú Giải này, sẽ giúp chúng ta làm rõ nhiều điểm góc mắc trong kinh văn Pāli, vô cùng quan trọng xét dưới góc độ lịch sử.

Kinh văn giới thiệu cho chúng ta những cuộc tranh luận diễn ra giữa các Tăng già Nguyên thủy và các trường phái Phật giáo vào thời kỳ đầu, *đặc biệt không nhắc đến tên các nhà tranh luận hiện hành và có khả năng tiềm tàng*. Tập chú giải cung cấp cho chúng ta tên tuổi của những người ủng hộ những điểm tranh luận này. Họ không phải chỉ thuộc một hay nhiều trường phái trong số mười bảy trường phái ly giáo nổi lên trước triều đại nhà vua Asoka. Cũng cần lưu ý là những tường thuật về mười tám trường phái đầu tiên lại dựa trên thẩm quyền bản Biên Niên Sử Pāli ngay từ giai đoạn đầu. Đó là tập *Đạo sử (dipavamsa)* được trích dẫn đích danh (trang 3-5). Có một điểm mới là trong bản Chú Giải của chúng tôi *Bahulikas* được biết đến với tên là *Bahusrutikas* (tr. 2)

Trong lời giới thiệu, tập chú giải đề cập một cách hệ thống đến sáu Trường Phái *Hậu Asoka* -- đó là Hemavataka, Rajagirika, Siddhatthika, Pubba-seliya, Aparaseliya và Vajiriya (tr. 5)- trong khi đó trong thân bài lại qui một số điểm cho các trường phái như Uttarapathaka, Andhaka, Vetulyaka, Hetuvada và Maha-Sannatavadins, nhưng lại không đề cập gì đến các trường phái Vajiriyas và Hemavatakas.

Một sự thỏa thuận chung giữa truyền thống, một bên là các trường phái xuất hiện trong tập chú giải của ngài Đại đức Buddhaghosa, và bên kia trong các tác phẩm của Vasumitra. Bhavya, Vinitadeva và

các nhóm khác do bà Rhys David thảo luận đến trong lời tựa của bà tập cho rằng *Những Điểm Tranh Luận* (Points of Controversy) sau này, là bản dịch của tập Thuyết Luận Sự, do S.Z.Aung chia sẻ. Đối với tôi, nói một cách chính xác, điều còn lại của tập chú giải, là tên của Andhaka gồm bốn trường phái khác nhau sau đây: Pubba-seliya, Aparaseliya, Rajagirrika và Siddhatthika (I. 9). Việc bỏ qua Vajiriyas, chính xác là tên xuất phát từ Vajira, một địa danh nằm ở vùng Tây Bắc Ấn Độ, rất có thể sự kiện các địa danh này đồng nhất với Uttarapathakas mà ra. Nhưng mối tương quan này đã được vạch ra ở đâu đó. Khả năng rất có thể ai đó có tên Pāli là Vetulyaka hay là Vetullaka, đây có thể do viết sai từ chữ Vepulyaka hay là Vepullaka, tiếng Phạn viết là Vaipulyakas,

Một điều rất thú vị cần lưu ý, là Nhà Chú giải đã liên kết Vetulyakas với Mahasunnatavadins nơi một số mạch văn (XVII. 6-10) tác phẩm sau này, là một tên thích hợp dành cho trường phái Prajna, hay là Vajira thuộc phái Nam tông. Ông này không cho chúng ta biết, người Hetuvadins là ai. Cho dù một số điểm dứt khoát được gán cho họ. Toàn bộ những điểm như vậy cần được xem xét một cách kỹ lưỡng.

Tập Chú Giải cuốn I cụ thể là về Puggalakatha, thực sự rất quan trọng về khía cạnh lịch sử Tăng già, cùng với một số ít các Thuyết sự (Katha). Toàn bộ những tập còn lại, chỉ là sự phát triển tiệm tiến đối với chính kinh văn mà thôi.

Tôi vô cùng biết ơn bà Rhys Davids, vì đã biên tập và thông qua bản thảo tay của bản dịch này và giúp tôi bằng nhiều đề nghị quý báu. Tôi vô cùng biết ơn bà, vì đã chấp nhận bản dịch của tôi trong số các bản dịch thuộc Hội P.T.S.

BIMALA CHURN LAW
43, Kallas Boss Street
Calcutta.

Ngày 23 tháng chín năm 1939.

-ooOoo-

LỜI GIỚI THIỆU

Cung kính đức Thế Tôn, Đấng A-la-hán Toàn Giác.

Ngự giữa cõi chư Thiên có đoàn quần thần chư Thiên đông đảo bao quanh, ngài là Đấng Vô Song. Bậc Thế Tôn nơi cõi trần gian và cõi chư Thiên, kiệt xuất không ngôn từ và quan điểm nào kể xiết - nhân vật siêu phàm, kết thúc bài thuyết pháp của mình chỉ định rõ như sau: Định rõ bản chất nhân loại v.v... công bố đường nét cho cuốn sách viết về *Những Điểm Tranh Luận* (P. of C.), đưa ra bản tường trình về "Bản Ngã" và những điểm tranh luận tương tự. Chỉ nhìn qua bản nội dung, được bắt đầu kiến thiết những tòa nhà hết sức phong phú như vậy, ngay trên cõi đời này, con trai của Moggali đã lấp đầy bằng toàn bộ những chi tiết phong phú. Giờ đây, do bởi những phương án chú giải đã được đề ra, tôi xin được chấp bút lời bình về những gì được ghi lại trong cuốn sách này. Xin hãy lắng nghe một cách nghiêm túc.

Sau khi đã thực hiện Song thông (Twin-Miracle), Đức Thế Tôn đã nhập an cư kiết hạ, tại thành phố Tam Thập Nhất (Thrice Ten), ngay dưới cây cổ thụ Coral, trên đỉnh ngọn núi Pandukambala. (Và tại đó) có sự hiện diện của mẹ ngài để chứng kiến mọi việc diễn ra, ngài đã thuyết pháp cho toàn thể các vị chư Thiên, về các vấn đề bổ sung cho Giáo pháp. Sau khi ngài đã diễn giảng Dhammasangani, Vibhanga, Dhatukatha và tập tài liệu Puggala-pannatti. ngài nghĩ: Trong tương lai, sẽ đến lượt diễn giảng tập Thuyết luận sự (Kathavatthu), thì đồ đệ của thầy, ngài Hòa thượng Tissa đầy khôn ngoan, con trai của Moggali, sau khi đã tẩy sạch những vết nhơ nổi lên trong Giáo pháp (sasana) và tổ chức Đại hội lần thứ Ba, ngài chủ tọa giữa Tăng già, ngài đã chia bản biên tập này thành một ngàn tập kinh (suttana), năm trăm bản kinh được gán cho quan điểm của chính những người phái Sakavadins của ngài, năm trăm bản kinh còn lại thuộc quan điểm của các phái đối nghịch theo phái Paravadins. Tạo ra cơ hội này, bắt đầu việc nghiên cứu gồm tám Chương bản về "bản ngã" (person) tóm gọn trong bốn câu hỏi, mỗi câu hỏi gồm hai Chương, chia ra thành năm đoạn, tôn trọng theo một qui trình được chọn lọc trong toàn bộ các bài tranh luận. Ngài đã đề ra một bản nội dung, bằng một đoạn văn chưa hoàn chỉnh, làm thành một đoạn đề "tụng". Rồi sau đó, ngài đã diễn giảng đầy đủ chi tiết Vi Diệu Pháp

(Abhidhamma), sau khi đã kết thúc an cư kiết hạ, ngài đã rời cõi trời Tam Thập Tam Thiên bằng chiếc thang đá quý, nằm giữa hai chiếc thang vàng và bạc, bắc từ cõi chư Thiên, xuống tận thành phố *Sankassa*, và như vậy ngài hoàn tất công trình tế độ cho chúng sanh và nhập Níp-bàn (Paranibbana).^[2]

Ngay sau đó, có sự hỗ trợ của nhà vua Ajatasattu, một nhóm những người ủng hộ ngài, dẫn đầu là Đại đức Ca Diếp (Kassapa), đã sưu tầm một bộ phận những giáo lý (Giáo pháp) và giới luật. Cuộc sưu tầm kéo dài một trăm năm mới kết thúc, chư vị Tỳ-khuru Vajjipattaka công bố giảm nhẹ các qui luật gồm mười điểm^[3]. Nghe thấy vậy Trưởng lão Yasa, con trai Brahmin Kakandaka với sự giúp đỡ của vua Asoka, con trai của Susunaga, liền chọn bảy trăm Trưởng lão trong số mười hai ngàn vị Tỳ-khuru và sau khi đã hủy bỏ mười giới luật đó, sưu tầm thêm một bộ Tín Lý và Luật tạng mới. Lại bị chính những Trưởng lão đã thực hiện bộ tín lý và luật tạng đó bác bỏ, mười ngàn vị Tỳ-khuru thuộc giáo phái Vajjiputtaka, sau khi thu thập các đồ đệ và chỉ kiếm được sự ủng hộ nội bộ yếu ớt, họ tách ra và thiết lập một giáo phái riêng (nghĩa đen là nhóm Thế Tôn) gọi là (1) giáo phái Mahasanghika. Ly khai khỏi giáo phái này, lại xuất hiện hai giáo phái khác là: (2) Gokulikas và (3) Ekobboharikas. Ly khai khỏi giáo phái Gokulikas, nổi lên hai giáo phái khác nữa đó là: (4) giáo phái Pannattivadins và (5) giáo phái Bahulikas, hay cũng thường được gọi chung là (6) Cetiyyavadins. Như vậy xuất phát từ giáo phái Mahasanghikas, vào thế kỷ thứ hai, có năm giáo phái nổi lên. Những giáo phái này cùng với giáo phái Mahasanghikas làm thành sáu giáo phái Phật giáo.

Vào thế kỷ thứ II, chiêu có hai giáo phái ly khai khỏi phái Phật giáo Nguyên thủy (Theravada): đó là giáo phái (1) Mahimsasakas và giáo phái (2) Vajjiputtakas.

Lúc này, lại có bốn giáo phái khác nổi lên, ly khai khỏi giáo phái Vajjiputtakas đó là (3) giáo phái Dhammuttariyas, (4) giáo phái Bhadrayanikas, (5) giáo phái Channagarikas và giáo phái (6) Sammitiyas. Còn nữa, cũng trong thế kỷ thứ II, lại có hai giáo phái ly khai khỏi giáo phái Mahimsasakas, đó là (7) giáo phái Sabbatthivadins và giáo phái (8) Dhammaguttikas. Rồi lại nữa, ly khai khỏi giáo phái Sabbatthivadins, ta thấy lại nổi lên giáo phái (9) Kassapikas và giáo phái Kassapikas, sau đó lại phân chia và nổi lên thành giáo phái (11) Suttavadins. Như vậy, ly khai khỏi Phật giáo Nguyên thủy (Theravada) là mười một giáo phái khác. Cùng với giáo phái Phất giáo Nam tông nguyên thủy (Theravadins) là mười hai giáo phái khác nhau.

Như vậy cùng với mười hai giáo phái này, cộng với sáu giáo phái thuộc nhóm Mahasanghikas, làm thành tất cả mười tám giáo phái nổi lên vào đầu thế kỷ thứ III. Họ còn được biết đến, là mười tám nhóm và được coi như là mười tám môn phái. Trong số mười tám môn phái này, có mười bảy môn phái được coi như là môn phái ly giáo. Chỉ có phái Phật giáo Nguyên thủy Nam tông (Theravada) là không thuộc ly giáo mà thôi. Hơn thế nữa, ta thấy nói đến trong Đảo sử (dipavamsa) như sau:

"Các vị Tỳ-khuru đòi bại, tức nhóm Vajjiputtakas, đã bị các Hòa thượng (Trưởng lão) phạt và Tuyệt Thông (excommunicated), lại thành lập một phe nhóm khác, gồm nhiều người chủ trương tà kiến. Có mười ngàn Tỳ-khuru đã tụ tập lại, làm thành một Đại Hội. Chính vì thế, cuộc diễn tập giáo pháp này, được gọi là một cuộc tổng diễn tập (Great Recital)

"Các vị Tỳ-khuru tham dự cuộc tổng diễn tập này, đã ấn định một giáo lý (ngược hẳn lại với đức tin chân chính). Sửa đổi hẳn những bài viết nguyên thủy và đã lập ra những biên chép hoàn toàn mới. Họ đã hoán đổi Kinh Phất, thuộc một bộ sưu tầm này rời đến chỗ khác, họ đã phá bỏ ý nghĩa đích thực và những lời dạy của Đức Phất (Giáo pháp) trong Luật tạng (Vinaya) và trong ngũ Kinh. Những vị Tỳ-khuru đó, không hề biết chút gì, đã được diễn giảng về những bài chú giải thực hành và thuộc đức tin, cũng như ý nghĩa được gán cho các bài chú giải đó, kể cả ý nghĩa từ đó suy ra. Họ đã thiết lập một giáo lý với ý nghĩa hoàn toàn khác. Các vị Tỳ-khuru này, đã phá bỏ một số lớn ý nghĩa chính thống dưới chiêu bài các văn bản, chối bỏ những đoạn riêng rẽ trong Kinh Phất và trong Luật tạng (Vinaya) sâu xa. Họ đã soạn ra nhiều Kinh và Luật tạng (Vinaya) khác, chỉ mang dáng vẻ bề ngoài giống nguyên bản mà thôi. Chối bỏ các văn từ khác - có thể nói, họ chối bỏ các Phụ tụng Luật giáo (Parivana) (tức là những nội dung trừu tượng trong Luật tạng (Vinaya) -- gồm sáu Chương Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), Vô Ngại Giải Đạo (patisambhida), Kinh Nghĩa Thích (niddeśa), và một vài phần trong Kinh Bản Sinh (Jataka), đồng thời họ đã biên soạn những bản khác.^[4] Họ đã đổi tên các phần đó, đổi luôn cả hình thức và bỏ qua luôn cả bản chính.

Những người nào theo cuộc tổng diễn tập (the Great Recital), chính là những người ly giáo đầu tiên; theo gương họ, lại nổi lên rất nhiều người ly giáo khác. Sau đó, một cuộc ly giáo mới, lại nổi lên ngay

trong giáo phái mới này; đó là giáo phái Gokulikas; và các vị Tỳ-khuru Ekabyohara lại chia ra làm hai phe. Sau đó, lại có hai cuộc ly giáo diễn ra trong giáo phái Gokulikas; các vị Tỳ-khuru Bahussutaka và Pannatti lại chia thành hai nhóm và chống lại các nhóm này, là những người Cetiyas (một nhóm khác) thuộc giáo phái Mahasangitikas. Họ loại bỏ ý nghĩa (trung thực) giáo lý và một số đoạn trong bộ sưu tập; gác sang một bên một số đoạn khó. Họ liền thay đổi các đoạn ấy đi, bỏ qua giáo lý nguyên thủy như: Tên, nội dung, các tu chính, sắc thái và biến chúng thành các kinh khác hoàn toàn.

Giáo phái Phật giáo Nguyên thủy thuộc các vị Trưởng lão (Theras), lại xảy ra một cuộc ly giáo khác nữa; các vị Tỳ-khuru Mahasanghika và Vajjiputtaka đã tách ra thành hai nhánh. Trong giáo phái Vajjiputtakas, có bốn phái nổi lên đó là: Dhammutarikas, Bhaddayanikas, Channagarikas và Sammitis. Thời gian sau này, có hai nhóm khác lại nổi lên trong nhóm Mahimsakakas; các vị Tỳ-khuru Sabbatthivada và Dhammagutta lại tách ra làm hai. Xuất phát từ nhóm Sabbatthivadins, lại nổi lên phái Kassapikas. Từ nhóm Kassapikas có nhóm Sankantivadins, sau đó lại tách thành một nhóm khác, đó là Suttavadins, tách từ nhóm Sankantikas. Mười một giáo phái này đã tách ra từ Phật giáo Nguyên thủy (Theravada), bỏ qua ý nghĩa thực sự và giáo lý cùng với một phần bộ sưu tập Kinh Phật. Gác sang một bên các đoạn khó, thay đổi nội dung, bỏ qua cả bản nguyên thủy như: Tên, nội dung, tu chính các cách đúng, có nghĩa là biến Kinh Phật thành khác hoàn toàn.

Có tới mười bảy giáo phái ly giáo và một không phải là ly giáo. Cùng với nhóm không phải là ly giáo đó, đã có tới mười tám giáo phái khác nhau. Trong đó, nhóm Phật giáo Nguyên thủy (Nam tông), giống như một cây đa cổ thụ to lớn, cũng là phái nổi tiếng nhất: Gồm giáo lý hoàn hảo của người thắng phái đối nghịch, thoát khỏi quên lãng hay sát nhập chung với các phe nhỏ khác. Các giáo phái khác, nổi lên như là gai quăn quanh thân cây. Trong thế kỷ đầu tiên, không có một cuộc ly giáo nào diễn ra. Vào thế kỷ thứ II, nổi lên mười bảy giáo phái ly giáo, trong số giáo lý của người thắng phái đối nghịch.

Tiếp theo đó, là sáu giáo phái khác: Hemavatikas, Rajagirrikas, Siddhatthikas, Pubbaseliyas, Aparaseliyas và Vajjiriyas, đã nổi lên từng giáo phái một. Đối với các giáo phái này, không có nhiều điểm đối chiếu được ghi lại.

Hiện nay, đứng đầu mười tám giáo phái lúc ban đầu, là giáo phái Giáo pháp (sasana) và khi nhà vua Asoka, một vị vua công chính, đã nhận đức tin, thì hàng ngày, ngài đều bố thí cho một khoản tiền trợ cấp là năm trăm ngàn, một trăm ngàn cấp cho công việc thừa tự Đức Phật, Giáo pháp và Tăng Già. Một trăm ngàn để trợ cấp cho Thế Tôn của nhà vua, một trăm ngàn cho Trưởng lão Nigrodha, và một trăm ngàn dùng để phát chẩn ở bốn cổng thành, như vậy đã đem lại vinh dự lớn và sự trợ giúp đặc lực cho giáo phái Giáo pháp (sasana). Vị thầy của nhiều giáo phái khác, không được hưởng vinh dự và sự tài trợ này, vì thế họ không thể ngay cả kiếm được đủ để ăn, liền tìm kiếm vinh dự và sự tài trợ bằng cách gia nhập vào Tăng già, rồi lại công bố mỗi người mỗi điều sai lạc của họ, nói rằng: Đây chính là giáo pháp, đây chính là Giới luật, và đây chính là đạo giáo của ngài Thế Tôn (Đức Phật). Ngay một số trong họ còn chưa nhận Đại Thọ Giới, cũng đã tự xuống tóc, mặc áo cà sa màu vàng, đi khắp các thiên viện, gia nhập các Tăng già vào những buổi lễ Bố tát (Uposatha) và trong nhiều dịp lễ khác nữa.

Cho dù họ không bác bỏ Tăng già (Order), giáo pháp và giáo điều của Đức Phật, các vị Tỳ-khuru này, vì không đại diện cho hàng ngũ Giáo pháp và Giới luật chính thống, nên đã gây ra rất nhiều điều đôn mạt, nhiều vết nhơ và phiền toái cho Giáo pháp (sasana). Một số trong họ, còn thờ thần lửa; một số lại chủ trương, tu luyện năm loại khổ hạnh sức nóng; một số chạy lại thờ thần mặt trời, số khác lại đấu tranh cách này cách khác, nói rằng: Chúng ta sẽ phá bỏ Giáo pháp và Giới luật.

Chính vì thế mà Tăng Già không thể giữ Bố tát (Uposatha) hay Tụ tứ (Pavarana) với những hạng Tỳ-khuru đó. Bố tát phải bị đình chỉ trong bảy năm tại thiên viện Asoka, khiến cho nhà vua phải can thiệp, nghĩ rằng: Ta sẽ ra chiếu chỉ cho duy trì các việc thờ tự đó. Nhưng vẫn không thể làm gì được. Không những thế, nhà vua còn cảm thấy hối hận, khi mà chỉ vì một phái đoàn ngu xuẩn của ngài, một số các vị Tỳ-khuru đã bị giết hại. Vì muốn làm dịu đi nỗi hối hận, cũng như ảnh hưởng hư đốn đã nổi lên trong giáo phái Giáo pháp (sasana), nhà vua yêu cầu Tăng Già làm rõ: Lúc này, ai là người có thẩm quyền trong Tăng già về vấn đề này? Khi nhà vua được biết câu trả lời: Chính Trưởng lão Tissa, con trai của Moggali, thì nhà vua đã nhân danh Tăng già, mời Trưởng lão rời khỏi Ahoganga. Và khi nhà vua nhận ra Trưởng lão đang thực hiện một phép lạ, ngài rất tin tưởng vào khả năng của Trưởng lão và đã tham khảo ngài về những điều đã gây cho hoàng thượng không ít đau khổ. Và làm dịu bớt nỗi niềm

đau khổ cho ngài. Trưởng lão cũng lưu lại một thời gian bảy ngày trong công viên hoàng gia để diễn giảng giáo pháp cho đức vua.

Được giảng giải như vậy, vào ngày thứ bảy, nhà vua đã triệu tập Tăng già trong thiền viện Asoka lại, chính nhà vua đã thượng vị, trong một đại sảnh ngài đã cho xây dựng. Sau khi đã phân loại, sắp xếp các vị Tỳ-khuru thành nhiều nhóm khác nhau, theo quan điểm họ đang chủ trương và cho mời lần lượt từng nhóm một, rồi hỏi: Đức Thế Tôn đã giảng dạy loại giáo lý nào vậy?[5] Phái chủ trương vĩnh cửu trả lời: Ngài là người theo phái vĩnh cửu. Một số người khác trả lời: Đức Phật đã dạy vĩnh cửu thuyết hạn chế, sinh hồn bất tử, sinh tử ngẫu nhiên, có tiềm thức, linh hồn hữu thức hay vô thức sau khi chết, linh hồn đoạn diệt[6]. Những vị Tỳ-khuru nào chủ trương Níp-bàn chỉ tồn tại trong cuộc sống này, đều yêu sách nhà vua không kém.

Sau khi đã tìm hiểu giáo pháp, nhà vua đã phân biệt được rõ ràng, các vị Tỳ-khuru này không phải là các vị Tỳ-khuru chân chính, mà chỉ là các vị theo tà đạo mà thôi, rồi ngài loại họ khỏi Tăng già. Nhà vua đã phân phát áo trắng cho họ, là thứ quần áo dành cho những người dân thường. Số những vị Tỳ-khuru này lên tới 60.000 vị. Rồi nhà vua lại triệu tập các vị Tỳ-khuru khác nữa và hỏi các ngài: Đức Thế Tôn đã giảng dạy giáo lý nào vậy?[7] Họ trả lời: Tâu Hoàng thượng, ngài là một người chủ trương phân tích. Với câu trả lời này, nhà vua liền hỏi: Trưởng lão nói rằng: Thừa Hoàng thượng, đức Thế Tôn có chủ trương phân tích hay không?[8] Ngài trả lời: Tâu hoàng thượng, đúng vậy. Rồi nhà vua xuống chỉ: Thôi được rồi, thừa ngài Trưởng lão phái Giáo pháp (sasana) coi như được thanh tịnh. Chớ gì Tăng già của các vị Tỳ-khuru, hãy nắm giữ Bồ tát (Uposatha). Để lại những lính canh, nhà vua trở lại thành phố. Theo đúng thỏa thuận Tăng già đã nhóm họp lại và tổ chức bồ tát (Uposatha). Trong Tăng Già đó có khoảng sáu mươi ngàn vị Tỳ-khuru hiện diện.

Chính trong cuộc hội họp này, Trưởng lão Tissa, con trai Moggali, để ngăn chặn toàn bộ những cơ sở tà đạo đã nổi lên, và sẽ có thể nổi dậy trong tương lai, ngài đã phân tích đến từng chi tiết những chủ đề tranh luận, áp dụng phương pháp Đức Phật đã truyền dạy. và lập thành năm trăm lời tuyên bố chính thống và năm trăm lời không chính thống. Cả thầy có một ngàn được công bố và gộp lại thành một sưu tập[9] *Thuyết luận sự (Kathavatthu)* hay *Những Điểm Tranh Luận (Points of Controversy)*, nét đặc trưng nổi lên của cuốn sách này là dẹp tan toàn bộ những quan điểm lệch lạc.

Ngay sau đó, một ngàn vị Tỳ-khuru là những người có kiến thức vững vàng về Tam tạng và giỏi giang về Tứ Vô Ngại Giải Đạo (*Patisambhida*), như Trưởng lão, Đại đức Ca Diếp (Kassapa) (tại Đại Hội Thứ Nhất) đã tụng Giáo pháp và Giới luật. Sau khi đã dẹp tan hết mọi vết nhơ, ngài đã tổ chức Đại Hội thứ Ba trong đại hội này ngài cũng tụng như vậy. Và khi tụng Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) ngài đã hợp nhất toàn bộ thành một sưu tập này.

Người ta kể lại rằng, Chính Đức Phật đã đưa ra những đường nét chính của bộ sưu tập "Thuyết luận sự (Kathavatthu)" này và lại đưa ra cả một bài tường trình về nội dung. Sau đó Trưởng lão, con trai của Moggali đã lấp đầy những chi tiết lập thành một cung điện nguy nga trên cõi đời này, gồm đầy đủ mọi chi tiết.

Đến đây bởi vì việc chú giải đã hoàn tất. Tôi sẽ chú giải về vấn đề này. Xin hãy cẩn thận mà lắng nghe." [10]

-ooOoo-

[1] Các tập chú giải về hai cuốn sách này trong bộ Tạng Vi Diệu Pháp (Abhidhamma Pitaka)

[2] Anupadisesaya nibbnadhatuya.

[3] Dasavatthubi, đưa ra danh sách mười điểm, xin đọc các kinh văn Luật tạng (Vinaya texts) (S.B.E.) Cullavaya, ch. xii.

[4] Xin đọc với "B", *annani*

[5] Kim Vadi: nghĩa đen, Đức Phật đã...

[6] Xin đọc. Brahmajaha suddanta (Digha I).

[7] Như trên

[8] Xin đọc Trung Bộ Kinh (Majjhima Nikaya), ii. 197; Những điểm tranh luận tr. 7 ch. th. 1.

[9] *pakaranam*. đó là một tựa đề đặt cho cuốn sách này (có nghĩa là cuốn Katha của "Những Điểm Tranh Luận" hay là Chú giải Thuyết Luận Sư).

[Đầu trang](#) | [00](#) | [01](#) | [02](#) | [03](#) | [04](#) | [05](#) | [06](#)

[10] Xin đọc bản dịch của Shwe Zan Aung và Bà Rhys David trong tác phẩm *Points of Controversy* (tr. 1-7.) - [xem "[Những Điểm Đặc Biệt](#)", Tâm An và Minh Tuệ dịch Việt. Ngoài ra, còn có bộ "[Ngữ Tông](#)" do ngài Hòa thượng Tịnh Sự dịch từ bản Pali-Thái]

[\[Mục lục Vi Diệu Pháp\]](#) | [\[Thư Mục chính\]](#)

updated: 25-05-2004